TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2022.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Xuân Trường.**

2. Ông **Hoàng Thăng Bắc.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn S**, sinh năm 1970. Có mặt.

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn S và chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân là do chị N không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không biết vun vén kinh tế, nuôi dạy con

cái, vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dai, mục đích hôn nhân không đạt được, xác định tình cảm không còn, anh S xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Hai vợ chồng anh S và chị N có 02 con chung là Hoàng Duy Ph, sinh ngày 24/9/2007 và Hoàng Ngọc Y sinh ngày 26/8/2010, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay, các con chung đang sinh sống cùng anh S. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/02/2022, tại đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và chồng là anh Hoàng Văn S kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến giữa năm 2017 vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Quá trình sống ly thân không quan tâm hàn gắn tình cảm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị N hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị N và anh Hoàng Văn S có sinh được 02 người con chung là Hoàng Duy Ph sinh ngày 24/9/2007 và Hoàng Ngọc Y sinh ngày 26/8/2010. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay hai con đang sống với anh S. Khi ly hôn chị N đề nghị giao 02 con chung cho anh Hoàng Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn S. Anh Hoàng Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Duy Ph sinh ngày 24/9/2007 và Hoàng Ngọc Y sinh ngày 26/8/2010 cho anh Hoàng Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị N được phép đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn S thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho anh Sáu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn S và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 06/3/2007. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía anh S trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía chị N trong bản tự khai, trong đơn in xét xử vắng mặt cũng nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của anh S và chị N, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của vợ chồng anh S và chị N đều thể hiện: Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sinh sống tại thôn N, xã Đ, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Địa phương cũng đã có ý kiến góp ý, nhắc nhở nhưng hai vợ chồng không hòa giải được với nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa anh S và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cãi chửi nhau; mâu thuẫn đã xảy ra trong một khoảng thời gian dài và hai bên không thể tự hòa giải để giải quyết được mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn vợ chồng ở thôn N, xã Đ cũng đã góp ý, nhắc nhở vợ chồng anh S và chị N nhưng hai vợ

chồng không tự hòa giải mâu thuẫn với nhau được. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không quan tâm hàn gắn tình cảm. Về quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị N đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên, cả anh S và chị N đều nhất trí ly hôn. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng anh S và chị N có 02 con chung là Hoàng Duy Ph sinh ngày 24/9/2007 và Hoàng Ngọc Y sinh ngày 26/8/2010, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay, các con chung đang sinh sống cùng anh S. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía chị N cũng nhất trí để anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung của anh S và chị N là Hoàng Duy Ph sinh ngày 24/9/2007 và Hoàng Ngọc Y sinh ngày 26/8/2010, hiện nay đã trên bảy tuổi, tại bản tự khai các con chung trình bày nguyện vọng của cháu Ph và cháu Y khi bố mẹ ly hôn được sống với bố Hoàng Văn S. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung, ý kiến của anh S và chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng giao con cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các quy định của pháp luật và nguyện vọng của các bên đương sự. Vì lẽ đó cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh S.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn S, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Hoàng Văn S, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Văn S thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm cho anh Sáu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn S. Anh Hoàng Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Duy Ph sinh ngày 24/9/2007 và Hoàng Ngọc Y sinh ngày 26/8/2010 cho anh Hoàng Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm cho anh Hoàng Văn S. Hoàn lại cho anh Hoàng Văn S số tiền tạm ứng án phí 300.000[đ] *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001014 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn